

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022  
(đã được kiểm toán)

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

---

### NỘI DUNG

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-33
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-33

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thẳng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cần Thơ (công ty 100% vốn nhà nước) theo Quyết định số 652/QĐ-HHVN ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801319907 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 05 tháng 05 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, KV Phú Thẳng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lâm Tiến Dũng	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Quốc Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2022
Ông Trần Tuấn Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2022
Ông Phạm Bá Ngân	Thành viên	
Ông Hoàng Việt	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Bá	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/04/2022
Ông Nguyễn Văn Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/04/2022

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Quốc Hưng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04/05/2022
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28/01/2022
Ông Tạ Khả Duy	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 11/12/2022
Ông Lê Tiến Công	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Phương	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 04/05/2022

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Hồng Hải	Trưởng ban	
Bà Trần Thị Thu Oanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2022
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên	
Ông Trịnh Thanh Tùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/04/2022

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Mạnh Hà  
Phó Tổng Giám đốc (\*)

Cần Thơ, ngày 04 tháng 03 năm 2023

(\*) Ông Nguyễn Mạnh Hà - Phó Tổng Giám đốc được nhận ủy quyền làm người đại diện theo pháp luật từ Ông Nguyễn Quốc Hưng - Tổng Giám đốc theo giấy ủy quyền số 629/UQ-CCT.

Số: 040323.003/BCTC.KT2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ được lập ngày 04 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục cần thiết nhưng chưa thu thập được cơ sở đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về tồn thất đối với các khoản nợ phải thu để làm cơ sở trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với tổng giá trị là 4,14 tỷ đồng. Do đó, chúng tôi không thể khẳng định được tính hợp lý và chính xác của chỉ tiêu "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" và các chỉ tiêu khác có liên quan đang được trình bày trong Báo cáo tài chính năm 2022 đính kèm của Công ty.

2. Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty đang theo dõi khoản phải thu lợi nhuận được chia từ công ty liên doanh - Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn tại chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn khác" trên Bảng cân đối kế toán (thuyết minh số 7) với số tiền 4,23 tỷ đồng. Trong đó, lợi nhuận được chia trong năm 2022 và 2021 đang được ghi nhận tại chỉ tiêu "Doanh thu hoạt động tài chính" trên Báo cáo kết quả kinh doanh (thuyết minh số 24) với số tiền lần lượt là 0 đồng và 190 triệu đồng. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể thu thập được bằng chứng kiểm toán thích hợp về các khoản lợi nhuận đã ghi nhận từ năm 2021 trở về trước và quyền thu lợi nhuận đang được phản ánh trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đính kèm của Công ty. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này trên Báo cáo tài chính của Công ty hay không.

3. Tại thời điểm 31/12/2022 và 01/01/2022, Công ty đang theo dõi giá trị Công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I tại chỉ tiêu "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" trên Bảng cân đối kế toán (thuyết minh số 10) với số tiền 59,4 tỷ đồng. Trong đó, hạng mục "San lấp mặt bằng, kè bảo vệ bờ dọc sông Hậu và kè bảo vệ bờ dọc Cái Cui" thuộc dự án Cảng Cái Cui giai đoạn I có một phần giá trị 5,7 tỷ đồng được thực hiện trên diện tích hiện giờ thuộc quỹ đất dự phòng của UBND Thành phố Cần Thơ quản lý. Trong thời gian tới Công ty sẽ làm việc để quyết toán lại phần chi phí đã thực hiện trên với UBND Thành phố Cần Thơ do đó chúng tôi không thể xác định được những điều chỉnh cần thiết đối với khoản mục nêu trên và các khoản mục có liên quan (nếu có) trên Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến các vấn đề sau đây:

1. Tính đến thời điểm 31/12/2022 vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 284,8 tỷ VND tuy nhiên vốn thực góp chỉ có 275,3 tỷ đồng. Vào ngày 04/11/2021, Công ty đã gửi công văn số 490/CCT-TCNS tới Bộ Tài chính đề nghị hướng dẫn điều chỉnh giảm vốn điều lệ của doanh nghiệp. Theo công văn số 14966/BTC-TCND về việc hướng dẫn điều chỉnh giảm vốn điều lệ của doanh nghiệp ngày 29/12/2021, Bộ Tài chính có yêu cầu Cảng Cần Thơ và phía Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam tổ chức kiểm tra làm rõ, xác định nguyên nhân và tiến hành rà soát, xác định lại việc chậm quyết toán, qua đó, phía Cảng Cần Thơ và Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam vẫn đang trong quá trình làm việc nên chưa đưa ra biện pháp xử lý vấn đề này. (Thuyết minh số 34 - Thông tin khác)

2. "Dự án Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I" được triển khai từ năm 2002 với tổng mức đầu tư theo dự toán ban đầu là 230,3 tỷ đồng; "Dự án Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn II" được triển khai từ năm 2009 với tổng mức đầu tư theo dự toán ban đầu là 829,8 tỷ đồng. Việc đầu tư 02 dự án đã kéo dài hơn so với dự kiến ban đầu và hiện vẫn chưa hoàn thành. Công ty đang chờ hoàn tất thủ tục pháp lý và huy động vốn để tiếp tục triển khai đầu tư khi có điều kiện. (Thuyết minh số 10 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang)

Các vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến ngoại trừ của chúng tôi.



**Vũ Xuân Biên**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2023

**Đặng Huy Hoàng**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4461-2023-002-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ**Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,  
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>78.994.004.909</b>	<b>77.935.617.537</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>19.042.828.555</b>	<b>27.840.121.984</b>
111	1. Tiền		9.060.726.840	11.546.739.335
112	2. Các khoản tương đương tiền		9.982.101.715	16.293.382.649
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>12.987.350.000</b>	<b>10.537.350.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		12.987.350.000	10.537.350.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>44.982.994.073</b>	<b>37.979.507.435</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	34.715.193.190	28.813.436.278
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	5.418.240.522	3.653.184.625
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	11.842.726.899	12.205.530.383
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(6.993.166.538)	(6.692.643.851)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>885.877.249</b>	<b>990.046.293</b>
141	1. Hàng tồn kho		885.877.249	990.046.293
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.094.955.032</b>	<b>588.591.825</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	481.111.545	588.591.825
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	613.843.487	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>274.464.098.887</b>	<b>287.137.772.896</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>57.000.000</b>	<b>75.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	57.000.000	75.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>193.097.247.662</b>	<b>204.498.423.799</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	188.570.381.149	199.820.669.478
222	- Nguyên giá		460.581.182.152	457.546.672.026
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(272.010.801.003)	(257.726.002.548)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	4.526.866.513	4.677.754.321
228	- Nguyên giá		8.055.335.602	8.055.335.602
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.528.469.089)	(3.377.581.281)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>10</b>	<b>73.760.524.276</b>	<b>74.511.730.106</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		73.760.524.276	74.511.730.106
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>4.497.251.573</b>	<b>4.497.251.573</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		4.497.251.573	4.497.251.573
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>3.052.075.376</b>	<b>3.555.367.418</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	3.052.075.376	3.555.367.418
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>353.458.103.796</b>	<b>365.073.390.433</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>87.822.963.091</b>	<b>100.439.608.981</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>21.438.046.526</b>	<b>26.190.760.351</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	2.841.861.413	3.798.414.550
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		67.919.416	131.050.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	659.300.392	740.169.951
314	4. Phải trả người lao động		1.004.778.199	1.155.179.501
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	158.703.149	4.511.816.378
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	36.818.550	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	7.260.180.984	6.445.645.548
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	9.400.000.000	9.400.000.000
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		8.484.423	8.484.423
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>66.384.916.565</b>	<b>74.248.848.630</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	28.767.595.037	27.231.527.102
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	37.617.321.528	47.017.321.528
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>265.635.140.705</b>	<b>264.633.781.452</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>265.635.140.705</b>	<b>264.633.781.452</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		275.281.179.597	275.281.179.597
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		275.281.179.597	275.281.179.597
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		646.231.180	646.231.180
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(10.292.270.072)	(11.293.629.325)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(11.293.629.325)	(13.934.657.835)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		1.001.359.253	2.641.028.510
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>353.458.103.796</b>	<b>365.073.390.433</b>



Thái Thị Mỹ Linh  
Người lập



Lâm Trúc Sơn  
Kế toán trưởng




Nguyễn Mạnh Hà  
Phó Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 04 tháng 03 năm 2023



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	129.739.184.917	121.946.310.725
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		129.739.184.917	121.946.310.725
11	4. Giá vốn hàng bán	23	102.649.791.770	91.683.266.803
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		27.089.393.147	30.263.043.922
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	1.047.411.605	1.091.788.156
22	7. Chi phí tài chính	25	2.355.672.619	2.774.722.586
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.355.672.619	2.774.037.003
25	8. Chi phí bán hàng	26	730.348.404	850.827.432
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	24.465.987.558	25.094.572.424
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		584.796.171	2.634.709.636
31	11. Thu nhập khác	28	1.273.313.306	6.330.742
32	12. Chi phí khác	29	593.413.611	11.868
40	13. Lợi nhuận khác		679.899.695	6.318.874
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.264.695.866	2.641.028.510
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	263.336.613	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>1.001.359.253</u>	<u>2.641.028.510</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	36	96



Thái Thị Mỹ Linh  
Người lập



Lâm Trúc Sơn  
Kế toán trưởng





Nguyễn Mạnh Hà  
Phó Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 04 tháng 03 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.264.695.866	2.641.028.510
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		14.435.686.263	14.681.803.743
03	- Các khoản dự phòng		300.522.687	447.785.500
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.329.886)	685.583
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.046.081.719)	(1.094.515.429)
06	- Chi phí lãi vay		2.355.672.619	2.774.037.003
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		17.309.165.830	19.450.824.910
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(7.899.852.812)	6.214.841.293
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		104.169.044	153.402.599
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(5.801.948.280)	5.936.663.977
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		610.772.322	1.057.788.791
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(33.706.842)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		4.288.599.262	32.813.521.570
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.283.304.296)	(7.817.495.041)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	2.727.273
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(3.000.000.000)	(1.750.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		550.000.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.046.081.719	1.481.541.291
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(3.687.222.577)	(8.083.226.477)
	<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(9.400.000.000)	(9.400.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(9.400.000.000)	(9.400.000.000)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(8.798.623.315)	15.330.295.093
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		27.840.121.984	12.510.512.474
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.329.886	(685.583)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>19.042.828.555</u>	<u>27.840.121.984</u>



Thái Thị Mỹ Linh  
Người lập



Lâm Trúc Sơn  
Kế toán trưởng




Nguyễn Mạnh Hà  
Phó Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 04 tháng 03 năm 2023

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2022*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cần Thơ (công ty 100% vốn nhà nước) theo Quyết định số 652/QĐ-HHVN ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801319907 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 05 tháng 05 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 284.800.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 275.281.179.597 đồng; tương đương 27.528.118 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 167 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là: 169 người).

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ vận chuyển cảng.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bốc xếp hàng hóa đường bộ, bốc xếp hàng hóa cảng biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan, kho đông lạnh (kho ngoại quan) và kho khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển, viễn dương và vận tải đường thủy nội địa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển, khai thuế hải quan;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh.

#### **Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có 01 đơn vị trực thuộc là Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ - Trung tâm Logistics Cảng Sóc Trăng. Địa chỉ tại tỉnh Sóc Trăng; hoạt động kinh doanh chính là cung cấp dịch vụ vận chuyển cảng, cho thuê kho bãi.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

## **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

### **2.4 . Công cụ tài chính**

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

**2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

**2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào công ty liên doanh tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

**2.8 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.9 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.10 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

**2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

**2.12 . Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.13 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 3 tháng đến 36 tháng.

**2.14 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**2.15 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.16 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.17 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.18 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

**2.19 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

**2.20 . Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.



**2.21 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**2.22 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

**2.24 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

**2.25 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ**Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,  
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**2.26 . Thông tin bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh dịch vụ vận chuyển cảng và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.308.859.759	2.495.571.949
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.751.867.081	9.051.167.386
Các khoản tương đương tiền (*)	9.982.101.715	16.293.382.649
	<u><b>19.042.828.555</b></u>	<u><b>27.840.121.984</b></u>

(\*) Tại ngày 31/12/2022, các khoản tương đương tiền là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng được gửi tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam với lãi suất từ 4,6 %/năm.

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>31/12/2022</u>		<u>01/01/2022</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	12.987.350.000	-	10.537.350.000	-
	<u><b>12.987.350.000</b></u>	<u><b>-</b></u>	<u><b>10.537.350.000</b></u>	<u><b>-</b></u>

Tại ngày 31/12/2022, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong với lãi suất từ 4,6% đến 5,9%/năm.

**b) Đầu tư vào công ty liên doanh**

Số dư chi tiêu "Đầu tư vào công ty liên doanh" là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn tại thời điểm 01/01/2022 và 31/12/2022 đều là 4.497.251.573 đồng với tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết là 50%. Công ty liên doanh được thành lập và hoạt động tại tỉnh Trà Vinh, hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh dịch vụ vận chuyển cảng, cho thuê kho bãi.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ**Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,  
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b><i>Bên liên quan</i></b>				
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	35.872.200	-	-	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	439.560	-	30.041.452	-
	<b>36.311.760</b>	<b>-</b>	<b>30.041.452</b>	<b>-</b>
<b><i>Bên khác</i></b>				
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Trường Sơn	1.311.551.525	(655.775.763)	1.511.551.525	(626.000.000)
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	2.850.974.836	-	-	-
Công ty Cổ phần Phân bón dầu khí Cà Mau	5.704.190.111	-	-	-
Đối tượng khác	24.812.164.958	(5.000.803.027)	27.271.843.301	(4.877.897.016)
	<b>34.678.881.430</b>	<b>(5.656.578.790)</b>	<b>28.783.394.826</b>	<b>(5.503.897.016)</b>
	<b>34.715.193.190</b>	<b>(5.656.578.790)</b>	<b>28.813.436.278</b>	<b>(5.503.897.016)</b>

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b><i>Bên khác</i></b>				
Công ty Cổ phần giải pháp cảng và hậu cần	331.160.000	-	331.160.000	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Seven Seas	667.980.000	-	-	-
Công ty TNHH Quân Đô	625.500.000	(625.500.000)	625.500.000	(625.500.000)
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Semic	632.016.000	-	-	-
Đối tượng khác	3.161.584.522	(292.670.000)	2.696.524.625	(278.000.000)
	<b>5.418.240.522</b>	<b>(918.170.000)</b>	<b>3.653.184.625</b>	<b>(903.500.000)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ**Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,  
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**7 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Tạm ứng	4.109.856.234	-	5.090.710.475	-
Ký cược, ký quỹ	822.200.000	-	408.600.000	-
Dự thu khách hàng	488.558.851	-	772.431.567	-
Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn (*)	4.232.185.443	-	4.332.185.443	-
Phải thu khác	2.189.926.371	(418.417.748)	1.601.602.898	(285.246.835)
	<b>11.842.726.899</b>	<b>(418.417.748)</b>	<b>12.205.530.383</b>	<b>(285.246.835)</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	-	-	18.000.000	-
Phải thu khác	57.000.000	-	57.000.000	-
	<b>57.000.000</b>	<b>-</b>	<b>75.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Phải thu về cổ tức được chia của Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn.

**8 . NỢ XẤU**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH MTV Q&D	631.331.990	-	631.331.990	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà Phúc Cường	645.000.000	-	645.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy Sơn - HG	555.149.053	277.574.526	695.149.053	208.544.716
- Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu và đầu tư Trường Sơn	1.311.551.525	655.775.762	1.511.551.525	885.551.525
- Các khoản khác	8.371.521.489	3.588.037.231	4.874.194.181	570.486.657
	<b>11.514.554.057</b>	<b>4.521.387.519</b>	<b>8.357.226.749</b>	<b>1.664.582.898</b>

**9 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	163.711.683	-	108.771.600	-
Công cụ, dụng cụ	285.490.162	-	285.490.162	-
Hàng hoá	436.675.404	-	595.784.531	-
	<b>885.877.249</b>	<b>-</b>	<b>990.046.293</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ**Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,  
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	31/12/2022	01/01/2022 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
- Công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I (*)	59.433.908.642	59.433.908.642
- Công trình Cảng Cái Cui giai đoạn II (**)	8.647.825.475	8.647.825.475
- Công trình khác	5.678.790.159	6.429.995.989
	<b><u>73.760.524.276</u></b>	<b><u>74.511.730.106</u></b>

**(\*) Tên dự án: Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I**

- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam;
- Mục đích xây dựng: San lấp mặt bằng 23,4ha, tăng cường khai thác tốt nhất tiềm năng của mọi đầu giao lưu hàng hải trung tâm của khu vực đồng bằng sông Cửu Long, tạo động lực thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế trước hết cho thành phố Cần Thơ;
- Địa điểm xây dựng: Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ;
- Tổng mức đầu tư: 230.346.967.886 đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Từ năm 2002 đến năm 2011;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2022: Dự án đã hoàn thành và đưa vào khai thác đối với phần diện tích 9,5 ha, đối với phần diện tích đất còn lại dự án mới thực hiện việc san lấp mặt bằng và xây dựng bờ kè, chưa được đầu tư cơ sở hạ tầng cần thiết cho hoạt động của Cảng. Công ty đang chờ hoàn tất thủ tục pháp lý và huy động vốn để tiếp tục triển khai đầu tư khi có điều kiện.

**(\*\*) Tên dự án: Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn II**

- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam;
- Mục đích xây dựng: Xây dựng phát triển Cảng Cái Cui với công suất từ 4,0 - 4,5 triệu tấn/ năm, tiếp nhận tàu trọng tải đến 20.000DWT, tăng cường khai thác tốt nhất tiềm năng của mọi đầu giao lưu hàng hải trung tâm của khu vực đồng bằng sông Cửu Long, tạo động lực thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế trước hết cho thành phố Cần Thơ;
- Địa điểm xây dựng: Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ;
- Tổng mức đầu tư: 829.799.174.000 đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai: Từ năm 2009;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2022: Dự án mới triển khai được việc san lấp mặt bằng và thực hiện được một số hạng mục nhỏ. Công ty đang chờ hoàn tất thủ tục pháp lý và huy động vốn để tiếp tục triển khai đầu tư khi có điều kiện.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ**

Số 2, KV Phú Thẳng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>												
Số dư đầu kỳ	368.525.468.665	15.812.143.247	70.833.985.214	1.554.886.000	820.188.900	457.546.672.026						
- Mua trong kỳ	-	2.243.943.460	-	-	-	2.243.943.460						
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	790.566.666	-	-	-	-	790.566.666						
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>369.316.035.331</b>	<b>18.056.086.707</b>	<b>70.833.985.214</b>	<b>1.554.886.000</b>	<b>820.188.900</b>	<b>460.581.182.152</b>						
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>												
Số dư đầu kỳ	190.173.421.035	8.546.440.745	57.903.654.179	591.730.641	510.755.948	257.726.002.548						
- Khấu hao trong kỳ	10.350.998.710	906.142.333	2.767.233.520	180.050.652	80.373.240	14.284.798.455						
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>200.524.419.745</b>	<b>9.452.583.078</b>	<b>60.670.887.699</b>	<b>771.781.293</b>	<b>591.129.188</b>	<b>272.010.801.003</b>						
<b>Giá trị còn lại</b>												
Tại ngày đầu kỳ	178.352.047.630	7.265.702.502	12.930.331.035	963.155.359	309.432.952	199.820.669.478						
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>168.791.615.586</b>	<b>8.603.503.629</b>	<b>10.163.097.515</b>	<b>783.104.707</b>	<b>229.059.712</b>	<b>188.570.381.149</b>						

*Trong đó:*

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 7.853.693.626 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 85.338.817.380 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ**

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,  
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	<b>Cộng</b> VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	7.803.335.602	252.000.000	8.055.335.602
Số dư cuối kỳ	<b>7.803.335.602</b>	<b>252.000.000</b>	<b>8.055.335.602</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	3.125.581.281	252.000.000	3.377.581.281
- Khấu hao trong kỳ	150.887.808	-	150.887.808
Số dư cuối kỳ	<b>3.276.469.089</b>	<b>252.000.000</b>	<b>3.528.469.089</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu kỳ	4.677.754.321	-	4.677.754.321
Tại ngày cuối kỳ	<b>4.526.866.513</b>	-	<b>4.526.866.513</b>

*Trong đó:*

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 252.000.000 đồng.

**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	228.353.908	208.566.960
Chi phí sửa chữa tài sản	149.718.585	105.432.296
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	103.039.052	274.592.569
	<b>481.111.545</b>	<b>588.591.825</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	120.399.790	545.123.793
Chi phí sửa chữa tài sản	1.240.583.223	1.404.799.341
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.691.092.363	1.605.444.284
	<b>3.052.075.376</b>	<b>3.555.367.418</b>

**14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Bên liên quan</b>				
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	1.258.943.146	1.258.943.146	241.954.947	241.954.947
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	301.420.000	301.420.000	261.200.000	261.200.000
	<b>1.560.363.146</b>	<b>1.560.363.146</b>	<b>503.154.947</b>	<b>503.154.947</b>
<b>Bên khác</b>				
Đối tượng khác	1.281.498.267	1.281.498.267	3.295.259.603	3.295.259.603
	<b>1.281.498.267</b>	<b>1.281.498.267</b>	<b>3.295.259.603</b>	<b>3.295.259.603</b>
	<b>2.841.861.413</b>	<b>2.841.861.413</b>	<b>3.798.414.550</b>	<b>3.798.414.550</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ**

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-	592.761.511	-	3.941.093.951	4.104.484.841	-	429.370.621	-	-	-	429.370.621	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-	263.336.613	-	33.706.842	-	229.629.771	-	-	-	229.629.771	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	8.439.781	-	8.139.781	-	300.000	-	-	-	300.000	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	147.408.440	-	6.998.352.798	7.759.604.725	-	-	-	613.843.487	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	119.983.119	-	119.983.119	-	-	-	-	-	-	-
	-	<b>740.169.951</b>	-	<b>11.331.206.262</b>	<b>12.025.919.308</b>	-	<b>613.843.487</b>	-	-	-	<b>659.300.392</b>	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND		VND	
- Trích trước chi phí thuế hạ tầng cơ sở tại Cảng Sóc Trăng	-	-	2.400.000.000	-
- Trích trước phí thuế cầu	-	-	1.200.000.000	-
- Chi phí phải trả khác	158.703.149	-	911.816.378	-
	<b>158.703.149</b>	-	<b>4.511.816.378</b>	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ**Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,  
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**17 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

Số dư chỉ tiêu "Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn" tại thời điểm cuối kỳ là doanh thu nhận trước của hoạt động thuê kho, văn phòng với số tiền 36.818.550 đồng.

**18 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	12.450.472	12.009.758
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.443.904.582	1.610.415.594
- Phải trả Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam (*)	3.971.359.052	4.471.359.052
- Phải trả lãi vay Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (**)	1.672.824.684	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	159.642.194	351.861.144
	<b><u>7.260.180.984</u></b>	<b><u>6.445.645.548</u></b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.052.778.200	1.199.558.200
- Phải trả lãi vay Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (**)	6.691.298.735	6.008.450.800
- Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ - Vốn Ngân sách đầu tư (***)	20.023.518.102	20.023.518.102
	<b><u>28.767.595.037</u></b>	<b><u>27.231.527.102</u></b>
<b>c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan</b>		
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	12.335.482.471	10.479.809.852
	<b><u>12.335.482.471</u></b>	<b><u>10.479.809.852</u></b>

(\*) Khoản phải trả Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam liên quan đến việc nhận bàn giao dự án "Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn II".

(\*\*) Khoản phải trả lãi vay Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam căn cứ Văn bản thỏa thuận về việc nhận nợ và hoàn trả tiền cho bên bảo lãnh. (Xem thông tin chi tiết khoản vay tại thuyết minh số 19).

(\*\*\*) Khoản phải trả này là khoản nợ còn lại liên quan đến việc nhận bàn giao dự án "Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I".

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ**

Số 2, KV Phú Thẳng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**19 . VAY**

	01/01/2022		Trong kỳ		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>						
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (*)	9.400.000.000	9.400.000.000	9.400.000.000	9.400.000.000	9.400.000.000	9.400.000.000
	<b>9.400.000.000</b>	<b>9.400.000.000</b>	<b>9.400.000.000</b>	<b>9.400.000.000</b>	<b>9.400.000.000</b>	<b>9.400.000.000</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (*)	56.417.321.528	56.417.321.528	-	9.400.000.000	47.017.321.528	47.017.321.528
	<b>56.417.321.528</b>	<b>56.417.321.528</b>	-	<b>9.400.000.000</b>	<b>47.017.321.528</b>	<b>47.017.321.528</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(9.400.000.000)	(9.400.000.000)	(9.400.000.000)	(9.400.000.000)	(9.400.000.000)	(9.400.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>47.017.321.528</b>	<b>47.017.321.528</b>			<b>37.617.321.528</b>	<b>37.617.321.528</b>

(\*) Căn cứ Văn bản thỏa thuận về việc nhận nợ và hoàn trả tiền cho bên bảo lãnh ngày 30/09/2019 ký với Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, kèm theo các Văn bản nhận nợ số 01/2019 ngày 30/09/2019 và số 02/2019 ngày 30/12/2019, trong năm 2019, Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam đã thanh toán hộ Công ty toàn bộ khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - chi nhánh Chương Dương, bao gồm nợ gốc là 56.416.677.596 VND và nợ lãi là 18.800.643.932 VND, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Bên cho vay: Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, là bên liên quan có mối quan hệ là Công ty mẹ;
- + Số tiền vay: 75.217.321.528 VND;
- + Mục đích vay: Vinalines bảo lãnh không hủy ngang cho các nghĩa vụ trả nợ bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh từ Hợp đồng Cấp tín dụng dài hạn số 03/2009/HDDTDDDDH/NHTMCPCTCD-VINALINES ngày 27/10/2009. Khoản vay này để thanh toán các chi phí thực hiện bước 1 theo "Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Cảng Cái Cui - giai đoạn II";
- + Thời hạn của hợp đồng: 8 năm;
- + Lãi suất cho vay: 4,5%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 47.017.321.528 VND, trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 9.400.000.000 VND;
- + Số dư nợ lãi vay tại thời điểm cuối kỳ là 8.364.123.419 VND (xem thuyết minh số 18);
- + Các biện pháp bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản và quyền đòi nợ của Cảng Cần Thơ với các hợp đồng kinh tế liên quan đến việc cho thuê kho, bãi, cầu cảng phát sinh ở thời điểm hiện tại và trong tương lai.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ**

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,  
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	275.281.179.597	646.231.180	(13.934.657.835)	261.992.752.942
Lãi trong kỳ trước	-	-	2.641.028.510	2.641.028.510
Số dư cuối kỳ trước	275.281.179.597	646.231.180	(11.293.629.325)	264.633.781.452
Số dư đầu kỳ này	275.281.179.597	646.231.180	(11.293.629.325)	264.633.781.452
Lãi trong kỳ này	-	-	1.001.359.253	1.001.359.253
Số dư cuối kỳ này	275.281.179.597	646.231.180	(10.292.270.072)	265.635.140.705

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	99,01	272.566.179.597	99,01	272.566.179.597
Các cổ đông khác	0,99	2.715.000.000	0,99	2.715.000.000
	<b>100,00</b>	<b>275.281.179.597</b>	<b>100,00</b>	<b>275.281.179.597</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	275.281.179.597	275.281.179.597
- Vốn góp đầu kỳ	275.281.179.597	275.281.179.597
- Vốn góp cuối kỳ	275.281.179.597	275.281.179.597

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.528.118	27.528.118
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	27.528.118	27.528.118
- Cổ phiếu phổ thông	27.528.118	27.528.118
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.528.118	27.528.118
- Cổ phiếu phổ thông	27.528.118	27.528.118
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Quỹ đầu tư phát triển	646.231.180	646.231.180
	<b>646.231.180</b>	<b>646.231.180</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ**Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,  
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với UBND Thành phố Cần Thơ với mục đích sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Cụ thể như sau:

STT	Vị trí	Diện tích	Thời gian thuê
1	Số 2 Phú Thắng, Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ	218.624 m <sup>2</sup>	50 năm từ ngày 16/8/2007 đến ngày 16/8/2057
2	Số 27 Lê Hồng Phong, Phường Trà An, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ	29.342 m <sup>2</sup>	42 năm 4 tháng từ ngày 07/9/2007 đến ngày 13/12/2049
3	Số 27 Lê Hồng Phong, Phường Trà An, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ	28.764,1 m <sup>2</sup>	30 năm từ ngày 22/7/1997 đến ngày 22/7/2027
4	Số 27 Lê Hồng Phong, Phường Trà An, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ	3.729,4 m <sup>2</sup>	50 năm từ ngày 22/01/2009 đến ngày 22/01/2059

**b) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2022	01/01/2022
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1.715,72	1.728,92

**22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	14.044.328.453	10.933.078.927
Doanh thu cung cấp dịch vụ	115.694.856.464	111.013.231.798
	<b>129.739.184.917</b>	<b>121.946.310.725</b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)	<b>460.444.605</b>	<b>243.717.410</b>

**23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	13.867.613.532	10.288.255.632
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	88.782.178.238	81.395.011.171
	<b>102.649.791.770</b>	<b>91.683.266.803</b>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)	<b>5.327.186.875</b>	<b>2.407.689.073</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ**Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,  
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.046.081.719	901.788.156
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	190.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	1.329.886	-
	<b>1.047.411.605</b>	<b>1.091.788.156</b>

Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính từ các bên liên quan

- 190.000.000

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)***25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.355.672.619	2.774.037.003
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	685.583
	<b>2.355.672.619</b>	<b>2.774.722.586</b>

Trong đó: Chi phí hoạt động tài chính từ các bên liên quan

**2.355.672.619 2.774.037.003***(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)***26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nhân công	424.545.273	574.357.540
Chi phí khấu hao tài sản cố định	192.489.264	175.511.760
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.485.167	60.593.557
Chi phí khác bằng tiền	37.828.700	40.364.575
	<b>730.348.404</b>	<b>850.827.432</b>

**27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.081.301.739	843.374.787
Chi phí nhân công	12.580.333.941	13.813.881.157
Chi phí khấu hao tài sản cố định	615.311.880	571.872.449
Thuế, phí, lệ phí	149.658.769	145.757.041
Chi phí dự phòng	300.522.687	447.785.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.678.960.878	3.353.513.709
Chi phí khác bằng tiền	6.059.897.664	5.918.387.781
	<b>24.465.987.558</b>	<b>25.094.572.424</b>

**28 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập từ phạt hợp đồng	510.843.500	-
Thu nhập từ bồi thường	710.937.765	-
Thu nhập khác	51.532.041	6.330.742
	<b>1.273.313.306</b>	<b>6.330.742</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ**Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,  
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**29 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tiền phạt vi phạm hành chính	53.317.084	-
Chi phí từ phạt hợp đồng	500.054.500	-
Chi phí khác	40.042.027	11.868
	<b>593.413.611</b>	<b>11.868</b>

**30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.264.695.866	2.641.028.510
Các khoản điều chỉnh tăng	53.317.084	-
- Chi phí không hợp lệ	53.317.084	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.329.886)	(2.641.028.510)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(190.000.000)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	(1.329.886)	-
- Chuyển lỗ các năm trước	-	(2.451.028.510)
Thu nhập chịu thuế TNDN	1.316.683.064	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>263.336.613</b>	<b>-</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(33.706.842)	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>229.629.771</b>	<b>-</b>

**31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.001.359.253	2.641.028.510
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.001.359.253	2.641.028.510
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	27.528.118	27.528.118
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>36</b>	<b>96</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.114.170.794	9.008.350.472
Chi phí nhân công	31.361.374.579	37.564.660.742
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.435.686.263	14.681.803.743
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.003.435.135	36.988.756.953
Chi phí khác bằng tiền	8.063.847.429	8.470.839.117
	<b>113.978.514.200</b>	<b>106.714.411.027</b>

**33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.042.828.555	-	-	19.042.828.555
Phải thu khách hàng, phải thu khác	40.482.923.551	57.000.000	-	40.539.923.551
Các khoản cho vay	12.987.350.000	-	-	12.987.350.000
	<b>72.513.102.106</b>	<b>57.000.000</b>	<b>-</b>	<b>72.570.102.106</b>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.840.121.984	-	-	27.840.121.984
Phải thu khách hàng, phải thu khác	35.244.492.810	75.000.000	-	35.319.492.810
Các khoản cho vay	10.537.350.000	-	-	10.537.350.000
	<b>73.621.964.794</b>	<b>75.000.000</b>	<b>-</b>	<b>73.696.964.794</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ**Số 2, KV Phú Thẳng, phường Tân Phú,  
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>				
Vay và nợ	9.400.000.000	37.617.321.528	-	47.017.321.528
Phải trả người bán, phải trả khác	10.102.042.397	28.767.595.037	-	38.869.637.434
Chi phí phải trả	158.703.149	-	-	158.703.149
	<b>19.660.745.546</b>	<b>66.384.916.565</b>	<b>-</b>	<b>86.045.662.111</b>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Vay và nợ	9.400.000.000	47.017.321.528	-	56.417.321.528
Phải trả người bán, phải trả khác	10.244.060.098	27.231.527.102	-	37.475.587.200
Chi phí phải trả	4.511.816.378	-	-	4.511.816.378
	<b>24.155.876.476</b>	<b>74.248.848.630</b>	<b>-</b>	<b>98.404.725.106</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**34 . THÔNG TIN KHÁC**

Tính đến thời điểm 31/12/2021, vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 284,8 tỷ VND, tuy nhiên vốn thực góp chỉ có 275,3 tỷ VND. Vào ngày 02/06/2021, Công ty đã gửi công văn số 198/CCT-TCNS tới Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ về việc điều chỉnh giảm vốn điều lệ của Doanh nghiệp và đang chờ được chấp thuận.

Vào ngày 04/11/2021, Công ty đã gửi công văn số 490/CCT-TCNS tới Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn điều chỉnh giảm vốn điều lệ của Doanh nghiệp. Theo công văn số 14966/BTC-TCDN về việc hướng dẫn điều chỉnh giảm vốn điều lệ của doanh nghiệp ngày 29/12/2021, Bộ Tài chính có yêu cầu Cảng Cần Thơ và phía Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam tổ chức kiểm tra làm rõ, xác định nguyên nhân và tiến hành rà soát, xác định lại việc chậm quyết toán, qua đó, phía Cảng Cần Thơ và Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam vẫn đang trong quá trình làm việc nên chưa đưa ra biện pháp xử lý vấn đề này.

**35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam	Công ty con cùng Tổng Công ty
Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	Công ty liên doanh



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ**Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,  
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>	<b>460.444.605</b>	<b>243.717.410</b>
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	420.791.000	216.407.000
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam	39.653.605	27.310.410
<b>Mua hàng</b>	<b>5.327.186.875</b>	<b>2.407.689.073</b>
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	3.625.702.636	1.927.416.345
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam	1.701.484.239	480.272.728
<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>-</b>	<b>190.000.000</b>
Lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	-	190.000.000
<b>Chi phí lãi vay</b>	<b>2.355.672.619</b>	<b>2.774.037.003</b>
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	2.355.672.619	2.774.037.003

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<b>Thu nhập của người quản lý chủ chốt</b>	<b>1.653.500.000</b>	<b>1.512.000.000</b>
Ông Lâm Tiến Dũng	312.000.000	312.000.000
Ông Nguyễn Quốc Hưng	217.500.000	-
Ông Trần Tuấn Hải	25.500.000	-
Ông Phạm Bá Ngân	36.000.000	36.000.000
Ông Hoàng Việt	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Văn Bá	88.000.000	264.000.000
Ông Nguyễn Văn Phương	106.500.000	324.000.000
Ông Tạ Khả Duy	240.000.000	240.000.000
Ông Lê Tiến Công	240.000.000	240.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hà	275.000.000	-
Ông Nguyễn Hồng Hải	36.000.000	36.000.000
Bà Trần Thị Thu Oanh	17.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Dung	24.000.000	24.000.000
Ông Trịnh Thanh Tùng	-	12.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ**Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,  
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**37 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm 2021 được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính kỳ trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch	Ghi chú
		VND	VND	VND	
<b>Thuyết minh Báo cáo tài chính</b>					
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	74.511.730.106	74.511.730.106	-	
Công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I		59.433.908.642	59.433.908.642	-	
Công trình Cảng Cái Cui giai đoạn II		14.570.130.142	8.647.825.475	(5.922.304.667)	(*)
Công trình khác		507.691.322	6.429.995.989	5.922.304.667	(*)

(\*) Công ty thuyết minh lại số dư theo công trình.



**Thái Thị Mỹ Linh**  
Người lập



**Lâm Trúc Sơn**  
Kế toán trưởng




**Nguyễn Mạnh Hà**  
Phó Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 04 tháng 03 năm 2023

